TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 205/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18-10-2019
Về việc Ly hôn và con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sự.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đông,

2. Ông Hoàng Đắc Hân.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đinh Thị Mến -Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Lại Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 583/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 về việc "Ly hôn và con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 216/2019/QĐXX-ST ngày 23 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 183/2019/QĐST-HGNĐ, ngày 08 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thị S; Nơi cư trú: Thôn 3, xã P, huyện T, thành phố H; Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đinh Hữu C (tên thường gọi S); Nơi cư trú: Thôn 3, xã P, huyện T, thành phố H; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đinh Thị S trình bày: Chị và anh Đinh Hữu C kết hôn với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương từ năm 1994 nhưng kể từ đó cho đến nay chị và anh Đinh Hữu C không đến Ủy ban nhân dân xã Lập Lễ, huyện T, thành phố H là nơi cư trú của chị và anh C để làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống thời gian đầu

hòa thuận, hạnh phúc nhưng sau đó kể từ năm 2002 thì mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Nguyên nhân do anh C ham chơi bời mắc nghiện ma túy và đã đi cai nghiện nhiều lần nhưng không có kết quả, trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn xung đột đánh cãi nhau, anh C nhiền lần đánh đập chị vì các con chị đã nhiều lần bỏ qua để vợ chồng chung sống cùng nhau nuôi dạy con chung tuy nhiên đến năm 2012 anh C do vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án và trở về nhà vào tháng 4/2018 nhưng vẫn tiếp tục có hành vi thô bạo, chửi bới đánh đập chị nhiều lần, đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa, chị S đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đinh Hữu C.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh Đinh Hữu C có 02 con chung tên Đinh Thị T, sinh ngày 05/7/1996 và Đinh Thị D, sinh ngày 23/02/2005, hiện nay con chung tên Đinh Thị T đã trưởng thành có khả năng lao động và đã có gia đình riêng nên khi ly hôn chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con nhỏ tên Đinh Thị D hiện nay đang sống cùng chị khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục nuôi con chung. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung để chị và anh C tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Đinh Thị S trình bày vợ chồng có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đinh Hữu C (tên thường gọi S) đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về việc kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai chị Đinh Thị S vẫn không có ý kiến trình bày về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Đinh Hữu C.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Đinh Thị S đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn anh Đinh Hữu C vắng mặt không có lý do nên chưa chấp hành đúng pháp luật, Kiểm sát viên đề nghị Tòa án căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b, khoản 3, Nghị quyết số 35/QH10 ngày 09/6/2000 và khoản 2 Điều 2 Nghị định 77/2001/NĐ-CP ngày 22/10/2001. Nay chị Đinh Thị S xin ly hôn, theo điểm b mục 2 Thông tư 01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao-Viện kiểm sát nhân dân tối cao-Bộ tư pháp thì Tòa án thụ lý giải quyết và bằng bản án tuyên bố không công nhận chị Đinh Thị S và anh Đinh Hữu C là vợ chồng. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao con chung tên Đinh Thị D, sinh ngày 23/02/2005, cho chị Đinh Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay

đổi khác theo quy định của pháp luật; Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đinh Thị S không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết; Về tài sản chung: Chị Đinh Thị S không có yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm: Bản sao Sổ hộ khẩu gia đình; Giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Đinh Thị S; Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Đinh Hữu C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ lần hứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị S và anh Đinh Hữu C chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1994. Quá trình chung sống đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuân và căng thẳng nhất là vào năm 2018, nguyên nhân do anh C mắc nghiện ma túy thường xuyên chửi bới, đánh đập chị mâu thuẫn giữa chị S và anh C ngày càng thẳng và không còn khả năng đoàn tụ được nữa, chị Đinh Thị S đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh Đinh Hữu C. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử anh Đỗ Hữu C đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến trình bày về yêu cầu xin ly hôn của chị Đinh Thị S.Tài liệu chứng cứ thể hiện: Chị Đinh Thị S và anh Đinh Hữu C chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1994 đã có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nhưng kể từ đó cho đến nay không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 9, Điều 14, Điều 51 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b, khoản 3, Nghị quyết số 35/QH10 ngày 09/6/2000 và khoản 2 Điều 2 Nghị định 77/2001/NĐ-CP ngày 22/10/2001. Nay chị Đinh Thị S xin ly hôn, theo điểm b mục 2 Thông tư 01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao-Viện kiểm sát nhân dân tối cao-Bộ tư pháp thì Tòa án thụ lý giải quyết và bằng bản án tuyên bố không công nhận chị Đinh Thị S và anh Đinh Hữu C là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Đinh Thị S và anh Đinh Hữu C có 02 con chung tên Đinh Thị T, sinh ngày 05/7/1996 và Đinh Thị D, sinh ngày 23/02/2005, hiện nay con chung tên Đinh Thị T đã trưởng thành có khả năng lao động và đã có gia đình riêng nên khi ly hôn chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con nhỏ tên Đinh Thị D hiện nay đang sống cùng chị khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục

nuôi con chung. Bị đơn anh Đinh Hữu C vắng mặt không có ý kiến trình bày về con chung, tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi cần xem xét để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên. Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện từ trước đến nay con chung đều do chị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt. Mặt khác các con chung tên Đinh Thị D có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng chị Đinh Thị S để ổn định, cuộc sống và học tập. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao các con chung tên: Đinh Thị D, sinh ngày 23/02/2005, cho chị Đinh Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đinh Thị S trình bày để chị và anh Đinh Hữu C tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án, anh Đinh Hữu C chưa có ý kiến trình bày về cấp dưỡng nuôi con chung, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung:

Chị Đinh Thị S trình bày vợ có tài sản chung, nhưng để cho các con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đinh Hữu C chưa có ý kiến trình bày về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Chị Đinh Thị S phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đinh Thị S và anh Đinh Hữu C.

2. Về con chung: Giao con chung tên Đinh Thị D, sinh ngày 23/02/2005 cho chị Đinh Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Đinh Thị S phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002816, ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T thành phố H. Chị Đinh Thị S đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn chị Đinh Thị S có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn anh Đinh Hữu C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã P, huyện T,thành phố H;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Sự

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đông Doãn Văn Sáng **Lê Thị Sự**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã Minh Tân, huyện T,thành phố H;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Sự